

Số: /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án thành phần số 07: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ
Bàu Nhum, tỉnh Quảng Bình thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an
toàn hồ, đập chứa nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ NN&PTNT về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Các văn bản của UBND tỉnh Quảng Bình: số 273/UBND-KT ngày 02/3/2022 về việc xin chủ trương thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Nhum; số 2078/UBND-KT ngày 07/11/2022 xác định nhiệm vụ cấp nước của hồ chứa nước Bàu Nhum; số 729/UBND-KT ngày 20/4/2023 về việc sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ chứa nước Bàu Nhum (thống nhất quy mô đầu tư);

Xét Tờ trình số 57/TTr-BQL2-KHĐT ngày 27/4/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thủy lợi II về việc thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo kết quả thẩm tra của Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sao Mai - Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển và Hội nhập toàn cầu - Trung tâm Tư vấn Khoa học công nghệ phát triển tài nguyên nước tại các báo cáo số 37/BCTT-SAMICO ngày 03/3/2023 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Sao Mai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 770/BC-TL-ATĐ ngày 23/6/2023 của Cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần số 07: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Bàu Nhum, tỉnh Quảng Bình thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần: Dự án thành phần số 07: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Bàu Nhum, tỉnh Quảng Bình.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Bàu Nhum nhằm đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du; phát huy tối đa nhiệm vụ công trình, chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Viện Thủy công - Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật Thủy lợi - Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - Công ty TNHH Nam Việt - Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng An Thịnh.

6. Địa điểm xây dựng: Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

7. Diện tích đất sử dụng: Không.

8. Loại, cấp công trình, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Nhóm dự án thành phần: Dự án nhóm C.
- Cấp công trình, các chỉ tiêu thiết kế:
- + Cấp công trình: Cấp III.
- + Tần suất lũ thiết kế (%): 1,5%
- + Tần suất lũ kiểm tra (%): 0,5%

10. Số bước thiết kế:

- Thiết kế 2 bước:
- Thiết kế cơ sở
 - Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, Báo cáo NCKT và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12571:2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8298:2009 Chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép của công trình thủy lợi;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9147:2012 Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

11. Phương án xây dựng: Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

a) Đập đất:

- Sửa chữa những vị trí hư hỏng cục bộ tại mái thượng lưu và hạ lưu đập.
- Gia cố các vị trí xói lở ở chân đập thượng lưu, vị trí hai bên cửa lấy nước hiện tại bằng đá hộc xếp khan.
- Đắp bù đất các hố sụt lún, xói lở, làm tầng lọc ngược, bảo vệ bề mặt bằng các tấm bê tông cốt thép M200, xây lại rãnh thoát nước bị hư hỏng bằng đá hộc xây vữa.

b) Tràn dự phòng và xi phong tháo nước

Tràn dự phòng: Giữ nguyên hiện trạng.

- Hệ thống đường ống xi phong: Thay mới toàn bộ đường ống xi phong đã bị hư hỏng bằng ống thép không gỉ đường kính D300mm và toàn bộ van khoá, mố néo.
- Làm tường hướng dòng chống bồi lấp cửa vào xi phong.
- Làm mới cầu công tác và hệ thống trụ khung dầm bê tông cốt thép M300 để đặt pa lăng xích nâng hạ đường ống trong quá trình sửa chữa vận hành.
- Nạo vét, chỉnh trang bề tiêu năng.

- Gia cố phạm vi bị xói lở sau bề tiêu năng bằng rọ đá hộp kích thước 2x1x0,5m, chiều dài gia cố L=11m.

c) Công trình phục vụ quản lý vận hành:

Nâng cấp kiên cố hóa tuyến đường hiện có theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn. Kết cấu đường láng nhựa 3 lớp. Chiều dài tuyến L= 3,01 km. Xây dựng 03 cống thoát nước qua đường kết cấu bê tông cốt thép M250.

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt là: **17.557.000.000 đồng.**

(Mười bảy tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu đồng)

TT	Nội dung	Giá trị sau thuế (đồng)
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; VB số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	191.718.167
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	17.365.671.505
1	Chi phí xây dựng và thiết bị	12.876.444.000
2	Chi phí quản lý dự án	290.705.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.491.577.631
4	Chi phí khác	494.394.737
5	Chi phí dự phòng	2.212.550.137
	Tổng cộng (A+B)	17.557.389.672
	Làm tròn	17.557.000.000

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án:

- Chuẩn bị dự án: 2021 ÷ 2023.

- Thực hiện dự án: 2023 ÷ 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC:

- Rà soát, kiểm tra tính toán phương án cửa vào xi phông đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật tối ưu hóa và thuận tiện trong công tác quản lý, vận hành.

- Đánh giá, kiểm tra phương án kết cấu đường quản lý để có lựa chọn giải pháp tối ưu.

- Kiểm tra, rà soát hệ thống quan trắc công trình; hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, camera giám sát, công trình phục vụ quản lý vận hành bảo

đảm an toàn đập theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; rà soát, bổ sung các nội dung để đảm bảo mục tiêu chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp (quy trình vận hành, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước, lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định,...).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan trực thuộc UBND Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện bảo đảm tiến độ của Dự án.

b) Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2

- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi theo nội dung được phê duyệt tại Quyết định này; chuyển giao tài liệu có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị dự án cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị để thực hiện các bước tiếp theo.

- Lập hồ sơ nghiệm thu, trình duyệt quyết toán và lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo đúng các quy định hiện hành.

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

d) Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

e) Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ Kế hoạch, Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Trị, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Trị;
- Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Bình;
- Kho bạc NN Quảng Trị;
- Công ty KTTL Quảng Trị;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TL ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị sau thuế (đồng)
A	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; Văn bản số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	191.718.167
B	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	17.365.671.505
I	Chi phí xây dựng	7.891.816.000
1	Đường quản lý và thi công	5.189.882.470
2	Xi phong tháo nước + sửa chữa đập đất	2.701.933.474
II	Chi phí thiết bị	4.984.628.000
1	Cơ khí thiết bị Xi phong tháo nước	4.984.627.625
III	Chi phí quản lý dự án	290.705.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.491.577.631
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bổ sung (TT)	100.000.000
2	Chi phí tư vấn thiết kế BVTC-DT	370.520.751
3	Chi phí thiết kế thiết bị cơ khí thủy công	172.715.516
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC-DT	14.915.531
5	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	17.330.427
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	205.029.374
7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	35.789.626
8	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	4.072.000
9	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HSDT tư vấn khảo sát và thiết kế	2.000.000
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	14.348.756
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp lắp đặt thiết bị	9.062.959
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị	2.000.000
-	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu lập quy trình vận hành	2.000.000
10	Chi phí kiểm định chất lượng công trình (theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu)	73.000.000
11	Lập quy trình vận hành (TT)	450.000.000
12	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	18.792.690

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị sau thuế (đồng)
V	Chi phí khác	494.394.737
1	Bảo hiểm công trình	272.134.526
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC-DT	8.680.997
3	Phí thẩm định dự toán	8.394.022
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng</i>	<i>7.174.378</i>
	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị</i>	<i>4.531.480</i>
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn và thiết kế</i>	<i>2.000.000</i>
-	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị</i>	<i>2.000.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy trình vận hành</i>	<i>2.000.000</i>
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình	41.005.875
6	Chi phí kiểm toán độc lập	114.715.860
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	31.757.599
VI	Chi phí dự phòng	2.212.550.137
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh	1.515.312.137
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	697.238.000
	TỔNG CỘNG (A+B)	17.557.389.672
	LÀM TRÒN	17.557.000.000